TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Hùng
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp AH xã Bình N, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 24/5/2023).

- *Bị đơn*: Ông Lâm Kim Hg, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp AH, xã Bình N, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông H tự tìm hiểu được 02 tháng thì đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 7/2013 nhưng không có đăng ký kết hôn vì ông H không có giấy tờ nên không thể đăng ký kết hôn theo quy định, đến ngày 20/3/2015 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình N, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, tụ tập bạn bè đi nhậu, bà T có khuyên nhiều lần nhưng ông H

không nghe, xúc phạm bà cùng gia đình và đánh bà nhiều lần do đó ông bà không thể sống hạnh phúc được nữa. Hiện nay bà T vào ông H đã sống ly thân hơn 01 năm, trong quá trình sống ly thân ông bà không còn liên lạc và cũng không còn quan tâm thăm hỏi cuộc sống của nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Lâm Phan Kim H1, sinh ngày 20/3/2014, hiện nay đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Hùng phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà T làm công nhân của Công ty may An P, thu nhập hàng tháng được 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin vắng mặt đề ngày 24/5/2023 và giữ nguyên các ý kiến trình bày, không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Lâm Kim H nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện TB được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/5/2023; ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyết, ông H là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông H tự tìm hiểu và bắt đầu chúng sống như vợ chồng từ tháng 7/2013 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 20/3/2015, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình N, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thường hay nhậu, không lo làm ăn, xúc phạm gia đình bà T và đánh bà vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Xét bà T vào ông H có một khoảng thời gian dài sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, bà T xác định ông bà không còn quan tâm thăm hỏi, chăm

sóc cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông H không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do đó theo lời trình bày của bà T có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 01 con chung tên Lâm Phan Kim H1, sinh ngày 20/3/2014. Bà T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện nuôi con: Xét từ khi bà T và ông H sống ly thân thì cháu Hải do bà T nuôi dưỡng cũng đảm bảo phát triển về mọi mặt, ngoài ra việc bà T yêu cầu nuôi con nhằm mục đích chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu trở thành người tốt cho xã hội. Mặc khác, ông H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà T nhưng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo cho việc học tập, vui chơi và để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, ông H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Ngọc T. Cho bà Phan Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lâm Kim H.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Phan Kim H1, sinh ngày 20/3/2014 cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 10/3/2023 theo biên lai thu số N_0 0011298 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Bà T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.